TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM TÂN** TỈNH BÌNH THUẬN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 13.5.2020
V/v: "Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM TÂN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thế Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Tú và ông Phan Quang Sơn.

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Thành Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Trâm- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân xét xử công khai vụ án Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm thụ lý số 254/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2019 về việc "Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1978.

Địa chỉ : Thôn Hiệp H, xã Tân Th, huyện Hàm T, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970.
Địa chỉ : Thôn Hiệp H, xã Tân Th, huyện Hàm T, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện yêu cầu không công nhận vợ chồng ngày 05/11/2019 và lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, bà Nguyễn Thị Kim L– nguyên đơn trình bày:

Sau quá trình tìm hiểu, đến năm 1996, bà L và ông T dọn về sống chung như vợ chồng và cho đến nay không có đăng ký kết hôn. Sau khi chung sống, hạnh phúc

không được bao lâu thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng không cùng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung nên thường phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cải vã nhau. Bên cạnh đó ông Tư ghen tuông vô cớ, thường xuyên nhậu say kiếm chuyện gây gỗ bà L. Còn đánh đập bà L và phải điều trị tại trạm y tế xã. Nay, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm, chăm sóc nhau và đã ly thân từ tháng 8/2018 cho đến nay. Vì vậy, đề nghị giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông Nguyễn Văn T.

Về con chung : Bà L và ông Nguyễn Văn T có 02 con chung là Nguyễn Tấn T, sinh ngày 25/9/1996 và Nguyễn Thị Mỹ L, sinh ngày 21/3/2001. Hiện 02 cháu đã trưởng thành nên việc con muốn sống với ai là do con tự quyết định.

Về tài sản chung và nợ chung : Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị Kim L vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

Ông Nguyễn Văn T – bị đơn:

Thống nhất về thời gian sống chung và con chung như bà L trình bày, sống chung với nhau từ năm 1996 cho đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn nhỏ nhặt và có 02 lần đánh nhau. Ông T thừa nhận có 01 lần ông uống rượu say xỉn nên có đánh bà L gây thương tích. Tuy nhiên, hiện nay ông T vẫn còn tình cảm và thương bà L vì vậy tôi không đồng ý yêu cầu của bà L. Mong được đoàn tụ.

Về con chung : Hiện 02 con đã trưởng thành nên việc con muốn sống với ai là do con tự quyết định.

Về tài sản chung và nợ chung : Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa :

Về tố tụng : Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án**:** Hội đồng xét xử và Thẩm phán tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là đúng pháp luật.

Về nội dung **:**

- Về quan hệ hôn nhân : Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim L. Không công nhận bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng**.**

- Về con chung : Hiện các con chung đã đủ tuổi thành niên, có khả năng lao động và nhận thức nên việc ở với ai là quyền của các con, bà L, ông T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L yêu cầu Tòa án giải quyết việc không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Nguyễn Văn Tư là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc trường hợp không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Hai người đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Hiệp H, xã Tân Th, huyện Hàm T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân theo quy định khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, sau đó đã phát sinh mâu thuẫn và kéo dài cho đến nay ngày một tăng lên. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không cùng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung thường xuyên cải vã nhau. Bên cạnh đó ông T còn đánh đập bà L. Ông T cũng thừa nhận sự việc này, do đó bà L có đơn đề nghị Tòa án không công nhận bà với ông T là vợ chồng là có cơ sở vì chính quyền địa phương cũng đã xác nhận thông tin về việc bà L và ông T không có đăng ký kết hôn tại địa phương. Theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng….". Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà L với ông T sống chung với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn là có căn cứ và ông bà đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trong một thời gian dài và đã ly thân từ tháng 8/2018 cho đến nay nay bà L xác định không muốn tiếp tục sống chung với nhau nữa nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, bà L và ông T xác định có 02 con chung là Nguyễn Tấn T, sinh ngày 25/9/1996 và Nguyễn Thị Mỹ L, sinh ngày 21/3/2001. Hiện các con chung đã đủ tuổi thành niên, có khả năng lao động và nhận

thức nên việc ở với ai là quyền của các con, không yêu cầu giải quyết là có cơ sở nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim L là người nộp đơn khởi kiện nên căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bà Lan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; các Điều 144; 147; 203; 220; 227; 235; 266 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 14, Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim L. Không công nhận bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Văn T có 02 con chung là Nguyễn Tấn T, sinh ngày 25/9/1996 và Nguyễn Thị Mỹ L, sinh ngày 21/3/2001. Hiện các con chung đã đủ tuổi thành niên, có khả năng nhận thức và lao động, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được khấu trừ trong số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai thu số 0029124 ngày 20/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

Án xử sơ thẩm, đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Tân;
- THADS huyện Hàm Tân;
- UBND xã Tân Thắng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thế Anh